



TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TIẾP THU TINH HOA VĂN HÓA NHÂN LOẠI

Nguyễn Trường Cảnh

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/04/2018

Ngày phân biên đánh giá và sửa chữa: 10/05/2018

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/05/2018

Tóm tắt:

Theo Hồ Chí Minh, việc tiếp thu có chọn lọc nền văn hóa nhân loại để xây dựng nền văn hóa cách mạng Việt Nam vừa là một truyền thống lịch sử vừa là một nhu cầu tất yếu khách quan. Ngay từ 1946, tại diễn đàn hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, Hồ Chí Minh đã nói với các nhà báo: Có cái gì tốt của Đông phương hay Tây phương ta phải học lấy để tạo nên một nền văn hóa Việt Nam. Cũng theo Hồ Chí Minh, một nền văn hóa càng giàu tính quốc tế thì bản sắc dân tộc cũng phát triển phong phú. Chính Người đã từ một người yêu nước đi đến chủ nghĩa quốc tế vô sản và từ chủ nghĩa quốc tế vô sản trở về cội nguồn dân tộc càng mạnh mẽ hơn. Nếu không học hỏi cái hay, cái đẹp của văn hóa nhân loại thì sẽ nghèo nàn đi về vốn kiến thức. Hơn nữa, do hạn chế bởi nhiều nguyên nhân lịch sử khách quan mà xuất phát điểm để xây dựng nền văn hóa cách mạng của chúng ta ở mức thấp, có nhiều khó khăn thì đất nước trải qua nhiều năm bị đô hộ, nô dịch, chiến tranh dẫn đến sự thiếu hụt về giao lưu văn hóa. Do đó, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại vào xây dựng nền văn hóa dân tộc là một tất yếu. Chính ở thời điểm đó, Hồ Chí Minh là biểu tượng cho sự hòa nhập, giao lưu sáng tạo làm giàu có hơn lên các giá trị văn hóa Việt Nam. Một phóng viên Mỹ đã nhận xét về Người như sau: Cụ Hồ không phải là người chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi mà Cụ là người yêu mến văn hóa Pháp trong khi chống thực dân Pháp, một con người biết coi trọng những truyền thống cách mạng Mỹ trong khi Mỹ phá hoại đất nước của Cụ.

Từ khóa: Tinh hoa văn hóa nhân loại.

1. Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho Đảng và nhân dân ta một di sản tư tưởng, lý luận vô cùng to lớn và sâu sắc, đó là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của quá trình cách mạng Việt Nam; là kết quả sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta; đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản vô giá của Đảng và nhân dân ta. Trong toàn bộ hệ thống tư tưởng của Người, có tư tưởng về văn hóa. Đây là một trong các lĩnh vực mà Hồ Chí Minh đã có đóng góp quý giá cho nhân loại, vì vậy không phải ngẫu nhiên mà UNESCO đã ghi nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh hai danh hiệu cao quý: *Anh hùng giải phóng dân tộc - nhà văn hóa kiệt xuất*.

Hành trang của Hồ Chí Minh trên bước đường bôn ba tìm đường cứu nước, cứu dân là một nền văn hóa tốt đẹp của quê hương - gia đình - dân tộc, tất cả đã ở trong trái tim, tâm hồn và nhân qua chính trị của người thanh niên Nguyễn Tất Thành. Người đã dùng chính vũ khí văn hóa dân tộc để chống lại thứ văn hóa xấu xa của chủ nghĩa thực dân xâm lược, với mục tiêu không chỉ để bảo vệ nền văn hóa của dân tộc mà còn vì sự trường tồn và phát

triển của nền văn hóa nhân loại. Chủ tịch Hồ Chí Minh tượng trưng cao đẹp cho cốt cách văn hóa dân tộc, thống nhất với các yếu tố văn hóa nhân loại. Trên cơ sở nhận thức đầy đủ đúng đắn về cốt cách văn hóa dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã kết tinh những giá trị ấy với tinh hoa văn hóa nhân loại trên những phương diện khác nhau. Đó là văn hóa tình nghĩa, tinh thần nhân văn Việt Nam, sự khoan dung hòa hợp, lối sống và cách ứng xử, v.v.. Nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh luôn là lá cờ vẫy gọi, là ngọn đèn pha soi sáng con đường đi lên của dân tộc. Các giá trị tư tưởng văn hóa của Người không chỉ có giá trị trong quá khứ mà luôn là tài sản của hiện tại và tương lai. Nó lan tỏa và chỉ hướng đi lên cho sự phát triển của dân tộc. Trong toàn bộ giá trị tư tưởng văn hóa của Hồ Chí Minh, có nội dung tư tưởng về tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

2. Nội dung

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của sự kết tinh văn hóa nhân loại. Người đã tích hợp được mọi giá trị tinh túy nhất của các nền văn hóa Đông - Tây - Kim - Cổ để làm phong phú tri thức văn hóa của mình vì mục đích mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Tri thức văn hóa của Người không chỉ dừng lại ở chỗ tiếp thu và vận dụng mà còn phát triển, sáng tạo, làm phong phú thêm những giá trị, những học

thuyết mà Người đã từng tiếp nhận và truyền bá. Chúng ta có thể nhận thấy điều đó qua quá trình học tập nghiên cứu và sáng tạo của Người về phương diện thực tiễn và lý luận.

Xây dựng nền văn hóa mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải là nền văn hóa kế thừa tinh hoa văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Tinh hoa văn hóa thế giới vô cùng phong phú vấn đề là chúng ta cần tiếp thu những hạt nhân hợp lý của tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho nền văn hóa Việt Nam, nhưng vẫn giữ vững được bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Trong các giá trị văn hóa đó, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao văn hóa nhân loại. Chính chủ nghĩa Mác - Lênin đã quyết định hoàn thiện về tư tưởng văn hóa, tư tưởng nhân văn mang tính giai cấp, tính dân tộc và tính nhân loại sâu sắc ở Hồ Chí Minh. Học tập các vị tiền bối cách mạng như C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin không chỉ trong lĩnh vực chính trị mà Hồ Chí Minh còn học hỏi ở họ trong lối sống đạo đức, trong tính giản dị, lòng nhân ái bao dung. Người luôn coi mình là “học trò” của Lênin và đã tìm thấy ở Lênin: Không chỉ thiên tài của Người, mà chính là sự coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy đã ảnh hưởng rất lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người không gì ngăn cản nổi.

Bên cạnh chủ nghĩa Mác - Lênin được xác định là nền tảng tinh thần của nền văn hóa mới, Hồ Chí Minh đã được tiếp cận với các giá trị dân chủ, nhân đạo của các dân tộc phương Đông và phương Tây từ rất sớm, trước khi Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngay từ nhỏ, Người đã học chữ Hán, đọc các sách cổ học Trung Hoa và đã thấu hiểu nhiều tư tưởng trong “Tứ thư”, “Ngũ kinh” - những bộ sách kinh điển của Nho giáo. Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã bộc bạch với nhà thơ Xô viết Ôxíp Mandenxtam: “Tôi sinh ra trong một gia đình nhà Nho An Nam. Thanh niên trong những gia đình ấy thường học Khổng giáo, đồng chí chắc biết Khổng giáo không phải tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử. Và trên cơ sở đó người ta đưa ra khái niệm về thế giới đại đồng” [1, tr. 461].

Những năm học chữ Hán từ thuở thiếu thời là chặng đầu tiên tiếp nhận văn hóa Trung Quốc. Đó một chặng quan trọng với ý nghĩa làm cơ sở để mở đường cho sự tiếp nhận các giá trị văn hóa nhân loại sau này. Sự tiếp thu các giáo lý của đạo Khổng với Người không thụ động, Người tìm hiểu và vận dụng những điều gần gũi với cuộc sống. Chính vì vậy, khi dạy học ở trường Dục Thanh (tại Phan Thiết

năm 1909 - 1910), Người đã vận dụng tư tưởng của Khổng Tử vào việc giáo dục cho học trò lòng yêu quê hương, trọng đạo lý làm người, tình đồng bào ruột thịt, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Việc học tập tiếp thu Nho giáo trong bối cảnh thời đại mới đã có ảnh hưởng nhất định đến tư tưởng đạo đức, nhân cách, lối sống trong tính cách tác phong và tấm lòng nhân ái bao dung của Người.

Tiếp thu tư tưởng Nho giáo với tư tưởng “trung hòa”, chủ trương kết hợp hài hòa các mặt đối lập: “thiên nhân hợp nhất”, “tri hành hợp nhất”, coi “thiên thời, địa lợi bất như nhân hòa”, đều đó đã góp phần làm cho nội bộ dân tộc đoàn kết, quốc gia hòa hợp, xã hội ổn định, mong đạt tới “mưa thuận gió hòa”. Bản thân Nho giáo, trong quá trình phát triển cũng tiếp thu những yếu tố nhất định của Phật học, Đạo học, lý học, v.v.. để tạo ra sức sống mới trong mỗi kỳ phát triển. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gạt bỏ khai thác những yếu tố tích cực để phục vụ cho mục đích cách mạng, trước hết là để chứng minh rằng chủ nghĩa cộng sản có thể thích nghi dễ dàng với châu Á, từ đó tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Tại hội nghị huấn luyện toàn quốc tháng 5 - 1950, Người nói: “Khẩu hiệu “Học không biết chán, dạy không biết mỏi” treo trong phòng họp chính là của Khổng Tử. Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học” [4, tr. 356]. Người còn dẫn lời của Lênin: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại” [4, tr. 357].

Chúng ta có thể tìm thấy những câu chữ và mệnh đề Nho giáo được Người vận dụng hàng trăm lần trong các luận văn hay bài nói thông thường, khi còn ở phương Tây hay khi đã về nước, từ khái niệm “thế giới đại đồng”, khẩu hiệu “dân vì quý...” đến các chuẩn mực đạo đức: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, v.v..

Sử dụng thuật ngữ cũ của Nho giáo nhưng Người bổ sung, sửa đổi, đem lại cho nó ý nghĩa mới, ý nghĩa cách mạng. Nhiều khái niệm đạo đức Nho giáo như trung, hiếu, nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm từ xưa đã được sử dụng rộng rãi, trở nên quen thuộc với nhân dân. Khi đề cập đến đạo đức mới, Người cũng sử dụng những khái niệm đó nhưng với nội dung hoàn toàn mới như Người nói: “Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều. Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời. Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính, nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm,

liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân” [5, tr.220]. Hay trong bài viết Ý kiến về việc làm và xuất bản loại sách “người tốt, việc tốt”, Hồ Chí Minh cho rằng: “đạo đức ngày nay cao rộng hơn: không phải chỉ có hiếu với bố mẹ, mà trung với nước, hiếu với dân” [6, tr.673].

Người tôn trọng những hạt nhân hợp lý đồng thời phê phán những quan điểm sai lầm phản tiến bộ của Nho giáo. Nho giáo là hệ tư tưởng của giai cấp thống trị và Khổng Tử như Hồ Chí Minh đã viết: “Khổng Tử đã viết Kinh Xuân Thu để chỉ trích “những thần dân nổi loạn” và “những đứa con hư hỏng”, nhưng ông không viết gì để lên án những tội ác của “những người cha tai ác” và “những Hoàng tử thiên cận”. Nói tóm lại, ông rõ ràng là người phát ngôn bênh vực những người bóc lột chống lại những người bị áp bức” [2, tr. 562]. Như vậy, khi khai thác những hạt nhân hợp lý của Nho giáo, Hồ Chí Minh đã tiến hành phê phán, bác bỏ những mặt tiêu cực của Nho giáo như tư tưởng đẳng cấp, coi khinh phụ nữ, khinh lao động chân tay, v.v..

Hồ Chí Minh tiếp thu các giá trị tiến bộ của Phật giáo, đó là quan niệm về lòng từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn, thương người như thể thương thân, thương yêu vạn vật, chống lại sự bất bình đẳng, phân biệt đẳng cấp. Văn hóa Phật giáo cũng mang tính dung hòa mềm dẻo, không ham hố tranh giành, chủ trương hòa hợp, hòa giải, kêu gọi tình thương yêu, tha thứ, chấp nhận lẫn nhau. Phật giáo vào Việt Nam từ đầu công nguyên, góp phần đặt nền tảng nhân văn, hướng thiện cho văn hóa Việt Nam, cho lễ nghi phong tục Việt Nam, góp phần xây dựng và củng cố nền chính trị và ngoại giao của nhà nước phong kiến Việt Nam trong những thế kỷ đầu vừa giành được độc lập.

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao những giá trị nhân văn Phật giáo. Theo Người, Phật ra đời cũng chính là để “Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha”, những giá trị đạo đức nhân văn Phật giáo có sự tương đồng với lý tưởng nhân văn của sự nghiệp cách mạng, đó là điều phần đầu vì hạnh phúc con người. Hấp thụ đạo lý thương nước, thương nhà, thương người, thương mình của dân tộc, Hồ Chí Minh sớm có một tình cảm tương thân, tương ái, độ lượng bao dung, rất gần gũi với giáo lý của đạo Phật về từ bi, cứu khổ, cứu nạn, trừ ác, khuyến thiện, v.v.. Người đã gạt bỏ những mặt tiêu cực, thụ động của Phật giáo và tiếp thu những tư tưởng hợp lý như: tư tưởng vị tha vì người khác, lòng nhân đạo bao la, khát khao giải thoát con người ra khỏi khổ đau, mưu cầu hạnh phúc, đề cao chân lý và quyền bình đẳng cho con người.. Khi hoạt động bí mật trong cộng đồng Việt kiều tại Thái Lan, Khoảng tháng 7.1929, Người ẩn danh đi tu tại một ngôi chùa Việt có tên

Thái là Lô-ca-nu-khó. 4 tháng xuống tóc, khoác áo cà sa, ăn chay niệm Phật, cùng với các vị chân tu bàn bạc về “lô ngã, vị tha” và những điều cao siêu khác trong triết lý nhà Phật; đã cùng với kiều bào bắt tay vào xây tường dựng chùa, viết bài ca Trần Hưng Đạo, nhằm giáo dục chủ nghĩa yêu nước, kết hợp lý tưởng “cứu khổ, cứu nạn” với lý tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc.

Cùng với sự tiếp thu tinh hoa văn hóa phương Đông, Hồ Chí Minh đã đến với văn hóa phương Tây mà trước hết là những tư tưởng tiến bộ đương thời. Sự hiểu biết nhiều ngoại ngữ như tiếng Hán, Pháp, Nga, Anh, Tây Ban Nha, Đức Ý, v.v.. đã giúp Người đọc nhiều sách báo khác nhau, để biết đến và có điều kiện tiếp xúc với nhiều nhà văn hóa, nhà văn, nhà thơ như: H.Bắcbuýt, R. Rôlăng, V. Huygô, v.v.. Chính nhờ biết nhiều ngoại ngữ mà Người có điều kiện tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Trên hành trình đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc mang theo hành trang của mình những yếu tố của văn hóa Pháp, văn hóa phương Tây, trong đó có cả sự hoài nghi những khái niệm đẹp đẽ: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Những tác phẩm thể hiện tư tưởng tiến bộ của Môngteskiơ, Vôn-te, Rút-sô, v.v.. Nguyễn Ái Quốc đã từng đọc và bằng sự khảo cứu trực tiếp nhờ cuộc hành trình qua nhiều nước trên thế giới, Người đã tìm đến quê hương của các cuộc cách mạng, tiếp cận với các nền văn hóa. Không phải ngẫu nhiên Người đã thấy mặt trời của nơi đặt tượng thần Tự do ở cảng Niu-oóc, nơi ra đời bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng 1776. Người đã thấy cái quý báu của cách mạng Pháp là “truyền thống dân chủ về vang”. Qua lăng kính giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc tiếp thu lý tưởng, tự do, bình đẳng dân chủ một cách sâu sắc. Trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945, sau khi nêu rõ tinh thần của bản *Tuyên ngôn độc lập* 1776 của Mỹ, từ đây Hồ Chí Minh đã nêu rõ quan điểm của mình: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [3, tr. 1]. Người còn trích dẫn Tuyên ngôn *Nhân quyền* và *Dân quyền* của cách mạng Pháp 1791 và khẳng định: “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được” [3, tr. 1]. Người lên án: “Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa” [3, tr. 1].

Độc lập cho Tổ quốc, chủ quyền của quốc gia, tự do hạnh phúc cho đồng bào, trở thành nguyên tắc cốt lõi của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Nguyên tắc này là cơ sở để chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa thỏa hiệp, nhân danh quyền con người để xóa nhòa ranh giới giai cấp, dân tộc và văn hóa.

Sau khi về Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc có dịp tiếp xúc với *Chủ nghĩa Tam dân* của Tôn Trung Sơn, tiếp thu những yếu tố phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, đề ra yếu tố *dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc*, nghĩa là vận dụng Tôn Trung Sơn nhưng đã có sự đổi khác.

Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, bao gồm: chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân quyền và chủ nghĩa dân sinh. Nội dung của *Chủ nghĩa Tam dân* được trình bày qua 16 bài giảng của Tôn Trung Sơn từ tháng Giêng đến tháng 8 năm 1924. Ông đặt câu hỏi: “Chủ nghĩa Tam dân là gì? Định nghĩa theo cách đơn giản nhất thì Chủ nghĩa Tam dân là chủ nghĩa cứu nước” [7, tr. 49]. Khi nói về *chủ nghĩa dân tộc*. Ông cho rằng người Trung Quốc chỉ có chủ nghĩa gia tộc, tông tộc, không có chủ nghĩa dân tộc. Sức đoàn kết của người Trung Quốc chỉ mới đạt tới tông tộc chứ chưa đạt tới dân tộc. Ở Trung Quốc theo ông: “chủ nghĩa dân tộc chính là chủ nghĩa quốc tộc” [7, tr. 51]. Khi bàn về *chủ nghĩa dân quyền* theo ông: dân quyền “đó là sức mạnh chính trị của nhân dân” [7, tr. 162]. Để thực hiện dân quyền, phải thực hiện các quyền của dân và của chính phủ. Ông cho rằng dân có bốn quyền: quyền tuyền cử, quyền bãi miễn, quyền sáng chế và quyền phúc quyết. Chính phủ có năm quyền: quyền hành chính, quyền lập pháp, quyền tư pháp, quyền khảo thí và quyền giám sát. Theo ông: “Dùng bốn chính quyền của nhân dân để quản lý năm quyền của chính phủ, như vậy mới xem là một cơ quan chính trị dân quyền hoàn hảo” [7, tr. 308]. Chín quyền này cân bằng với nhau thì dân quyền mới thực hiện được. Khi nói về *chủ nghĩa dân sinh*, ông cho rằng đó là “đời sống của nhân dân, sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng” [7, tr. 313]. Ông quan niệm chủ nghĩa dân sinh là chủ nghĩa xã hội, còn gọi là chủ nghĩa cộng sản, tức là chủ nghĩa đại đồng.

Trong tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển một số nội dung *Chủ nghĩa Tam dân* của Tôn Trung Sơn. Người chủ trương xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải là một nước “độc lập, tự do, hạnh phúc”. Mong ước lớn nhất của Hồ Chí Minh là dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. Như vậy, hạt nhân *Chủ nghĩa Tam dân* của Tôn Trung Sơn in đậm dấu ấn trong tư tưởng của Người. Nhưng Người không sao chép, không phỏng theo *Chủ nghĩa Tam dân* mà thận trọng lọc ra, bảo tồn và phát triển hạt nhân dân chủ cách mạng của Tôn Trung Sơn nhào nặn với thực tiễn Việt Nam, dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác-Lênin, hình thành tư tưởng của Người mang bản chất dân tộc, phản ánh quy luật phát triển của lịch sử.

Tiếp thu văn hóa nhân loại, Hồ Chí Minh

không đối lập văn hóa phương Đông với văn hóa phương Tây, truyền thống với hiện đại mà còn tìm ra con đường kết hợp văn hóa Đông - Tây một cách hài hòa. Nhờ sự hiểu biết lịch sử văn hóa nước mình khá tường tận, đầy đủ, có hệ thống, Hồ Chí Minh đã tiếp nhận văn hóa thế giới thuận lợi, có kết quả, những yếu tố, những mặt tích cực, tiến bộ của văn hóa nhân loại từ học thuyết Mác - Lênin, học thuyết Khổng Tử, đến học thuyết tôn giáo của Giêsu, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn đều được Người tiếp thu có chọn lựa, bổ sung, nhằm phục vụ cho mục đích cách mạng, cho sự nghiệp giải phóng con người, làm giàu cho bản sắc văn hóa Việt Nam. Người đã từng trả lời các nhà báo nước ngoài: Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dân Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước chúng tôi. Khổng Tử, Giêsu, C. Mác, Tôn Dân Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy. Câu trả lời ấy của Hồ Chí Minh đã khẳng định tư tưởng văn hóa của Người: Tiếp thu những giá trị văn hóa nhân loại, chống lại thái độ cổ chấp mang tính chính trị hoặc tôn giáo để làm cho văn hóa dân tộc phát triển; lấy hạnh phúc của con người làm thước đo giá trị văn hóa của nhân loại; tìm thấy cái hay, cái đẹp của mọi học thuyết để học tập, khai thác và phát triển làm giàu tư tưởng của mình.

3. Kết luận

Sự tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại của Hồ Chí Minh là có sự phát triển qua các chặng đường khác nhau, Người tiếp thu những tư tưởng văn hóa tiên tiến, tiếp thu khoa học - kỹ thuật tiên tiến và những kinh nghiệm quản lý xã hội. Người chú trọng từ tiếp thu có chọn lọc (có chắt lọc, có chắt bỏ) nhưng không kỳ thị không đóng cửa, không “bất chước” hoặc trở thành nô lệ về văn hóa. Tiếp thu văn hóa nhân loại làm cho văn hóa dân tộc ngày càng giàu thêm phong phú thêm ngang tầm với thời đại là quan điểm đúng nhất của Hồ Chí Minh.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, đề tài mã số UTEHY.T030.P1718.01.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [2]. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [3]. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [4]. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [5]. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [6]. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 15, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [7]. Tôn Trung Sơn. *Chủ nghĩa tam dân*, NXB Viện thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.

HO CHI MINH'S HERITAGE ON COLLECTION OF HUMAN CULTURE**Abstract:**

According to Ho Chi Minh, the selective absorption of human culture to build a revolutionary culture in Vietnam is both a historical tradition and an indispensable objective. As early as 1946, at the first national conference of cultural conferences, Ho Chi Minh told reporters: There is something good in the East or in the West that one must learn to create a Vietnamese culture. According to Ho Chi Minh, the richer the international culture, the identity of the nation also grows rich. It was from a patriot who went to proletarian internationalism and from proletarian internationalism back to the more powerful nationalist roots. If you do not learn the beauty or beauty of human culture, you will be poor in knowledge. Moreover, due to many historical reasons caused by the objective to build our revolutionary culture at low level, there are many difficulties, the country experienced many years of domination, slavery, war led to a lack of cultural exchanges. Therefore, absorbing the quintessence of human culture to build national culture is inevitable. It was at that time that Ho Chi Minh was a symbol of integration and exchanges of creativity and enrichment of Vietnamese cultural values. One American correspondent commented on him as follows: Ho was not a narrow nationalist, but he was a man who loved the French culture while fighting the French colonialists, who valued the traditions of the French. US network while the United States sabotage your country.

Keywords: *The essence of human culture.*